

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 06-03-2025
V/v: Tranh chấp về ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Thái Văn Lộc;
- Ông Nguyễn Văn Vân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thuỳ Trang - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh:** Bà Trần Nguyễn Quỳnh Như - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 684/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024, về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm: 2002, địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Văn M, sinh năm: 1996, địa chỉ: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:

* Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn M tự nguyện tìm hiểu và chung sống vào năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh vào năm 2021. Trong quá trình sống chung thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Chị và anh M thường xuyên mâu thuẫn do tính tình không hợp, anh M không lo làm ăn, mê chơi và ăn nhậu về nhà quậy phá, đánh đập vợ con, mâu thuẫn trầm trọng và sống ly thân từ tháng 3/2024 đến nay. Chị và con về nhà cha mẹ ruột tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh sống cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn nên chị T xin ly hôn. Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Huỳnh Khả N, sinh

ngày 15-6-2021. Chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Lê Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và vắng mặt

* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Văn M đã được triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh M không đến Tòa án để cung cấp lời khai, lời trình bày:

Tại phiên tòa chị T, anh M vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật liên quan. Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do, căn cứ Điều 227, khoản 1, khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T, anh M.

- Về nội dung: căn cứ Điều 9, 51, 56 và Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu T với anh Lê Văn M.

- Về con chung: giao cháu Lê Huỳnh Khả N, sinh ngày 15/6/2021 cho chị T nuôi dưỡng; anh M không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

- Về tài sản chung: chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: đương sự trình bày không có nên không đặt ra để giải quyết.

- Về án phí: chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bị đơn anh Lê Văn M hiện nay có hộ khẩu thường trú và cư trú tại ấp T, xã A, huyện C, Tây Ninh. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Chị Nguyễn Thị Thu T vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Lê Văn M đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án hợp lệ, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227,

khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T, anh M.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị T, anh M chung sống với nhau từ năm 2021, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh vào ngày 27/4/2021, nên hôn nhân của chị T, anh M là hôn nhân hợp pháp từ vào ngày 27/4/2021 và được pháp luật bảo vệ. Chị T khai trong quá trình chung sống vợ chồng không cùng chung quan điểm sống, thường xuyên mâu thuẫn. Anh M không lo làm ăn, mê chơi ăn nhậu về nhà quậy phá, đánh đập chị. Chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Chị yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn M.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập cho anh M nhưng anh M không đến Tòa án nên không có lời khai, lời trình bày.

Chị T nộp đơn khởi kiện vào ngày 15/10/2024, toà án thụ lý vụ án từ ngày 25/10/2024 và đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh M nhưng anh M không đến Tòa án để cung cấp lời khai và tham gia hoà giải. Như vậy anh M không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không có khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện được ly hôn với anh M. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu T đối với anh Lê Văn M.

[2.2] Về con chung: chị T khai chị và anh M sống chung có 01 con chung là cháu Lê Huỳnh Khả N, sinh ngày 15/6/2021. Từ khi sinh ra đến nay cháu N sống chung với chị T. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Căn cứ vào sự đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, giao con chung là cháu Lê Huỳnh Khả N, sinh ngày 15/6/2021 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi chị T, anh M ly hôn là phù hợp.

Chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

[4] Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu T đối với anh Lê Văn M.

Chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Lê Văn M.

2. Về con chung: giao cho chị Nguyễn Thị Thu T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Lê Huỳnh Khả N, sinh ngày 15/6/2021. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị T đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0001047 ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị T đã nộp xong án phí sơ thẩm.

5. Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được nêu yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngân